

NGHỊ QUYẾT

V/v ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VINA2

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông sửa đổi, bổ sung và thông qua ngày 10/6/2024;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;
- Căn cứ Biên bản họp số 103/2024/BB-HĐQT ngày 23/9/2024 của Hội đồng quản trị Công ty;

QUYẾT NGHỊ:

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin” của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VINA2.
- Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với quy định này đều hết hiệu lực thi hành.
- Điều 3.** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Ban chức năng nghiệp vụ, Chi nhánh, Ban điều hành, các Công ty thành viên chịu trách nhiệm và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban BKS (để biết);
- Lưu: VT, TKTH.



Nguyễn Thanh Tuyên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VINA2
MST: 0100105895

-----***-----

QUY CHẾ

CÔNG BỐ THÔNG TIN

--- Hà Nội ---

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Mục đích.....	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	3
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	4
Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	4
Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin.....	5
CHƯƠNG II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	5
Điều 8. Công bố thông tin định kỳ.....	5
Điều 9. Công bố thông tin bất thường	7
Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	10
Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác	10
Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác.....	11
Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai.....	13
Điều 14. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty.....	13
CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	14
Điều 15. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền.....	14
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	16
Điều 16. Trách nhiệm của Bộ phận/Người thực hiện công bố thông tin.....	16
Điều 17. Trách nhiệm các đơn vị/phòng/ban liên quan	16
Điều 18. Xử lý vi phạm về công bố thông tin.....	16
Điều 19. Sửa đổi, bổ sung.....	16
Điều 20. Hiệu lực.....	1

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có), tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý (nếu có).
2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó. Khi công bố thông tin này thì đồng thời phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.
3. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
4. Người thực hiện công bố thông tin của tổ chức có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.
5. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt.
6. Các thông tin công bố được lưu giữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ; tối thiểu 05 năm với các thông tin công bố bất thường theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác; các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm.
7. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật thì việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin sẽ thực hiện vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.
2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh thông tin phải công bố mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền

công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại Người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (sau đây gọi tắt là UBCKNN) và Sở Giao dịch chứng khoán (sau đây gọi tắt là Sở GDCK) trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a. Trang thông tin điện tử (website) và các phương tiện truyền thông khác của Công ty;
 - b. Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
 - c. Hệ thống công bố thông tin của Sở GDCK;
 - d. Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).
2. Các nội dung công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty phải đảm bảo thực hiện đúng nội dung, yêu cầu thông tin được công bố theo quy định pháp luật; của UBCKNN và Sở GDCK.

3. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN và Sở GDCK được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và Sở GDCK.

Điều 7. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh ... Công ty phải báo cáo UBCKNN, Sở GDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty phải có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 8. Công bố thông tin định kỳ

1. Theo quy định, định kỳ Công ty phải thực hiện công bố các thông tin sau:
 - Báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

- Báo cáo tài chính bán niên được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.
 - Báo cáo thường niên
 - Báo cáo tình hình quản trị Công ty
 - Hội Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận phải đảm bảo theo nguyên tắc sau:
- Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán Việt Nam.
 - Công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần. Đối với báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.
- b) Khi công bố thông tin các Báo cáo tài chính, Công ty đồng thời phải giải trình nguyên nhân (nếu có) khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế TNDN) tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
 - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán được soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

2. Thời hạn công bố thông tin định kỳ các báo cáo như sau:

STT	Nội dung công bố	Thời hạn công bố	Ghi chú
2.1	Báo cáo tài chính (“BCTC”) bao gồm: BCTC công ty mẹ và BCTC hợp nhất		
2.1.1	BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
2.1.2	BCTC bán niên được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Đối với doanh nghiệp có công ty con/đơn vị trực thuộc.

		Trong thời hạn 05 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 45 ngày , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	Đối với doanh nghiệp không có công ty con/đơn vị trực thuộc.
2.1.3	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	Trong thời hạn 30 ngày , kể từ ngày kết thúc quý	Đối với doanh nghiệp có công ty con/đơn vị trực thuộc.
		Trong thời hạn 20 ngày , kể từ ngày kết thúc quý	Đối với doanh nghiệp không có công ty con/đơn vị trực thuộc.
Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.			
2.2	Báo cáo thường niên (“BCTN”)		
	BCTN theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán
2.3	Báo cáo tình hình quản trị công ty		
2.3.1	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên theo quy định tại Phụ lục V ban hành theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm dương lịch	
2.3.2	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch	
2.4	Họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên/bất thường		
2.4.1	Thông báo, NQ, BB HĐQT chốt danh sách họp ĐHĐCĐ	Cách ngày đăng ký cuối cùng tối thiểu 20 ngày	CBTT lên các phương tiện truyền thông của Công ty và hệ thống của UBCKNN/SGDCK

2.4.2	Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ	<p>CBTT trên trang điện tử (website) của Công ty và hệ thống của UBCKNN/SGDCK.</p> <p>Trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)</p>
2.4.3	Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan kèm theo Biên bản, Nghị quyết được thông qua tại Đại hội;	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc họp ĐHĐCĐ	CBTT trên các phương tiện truyền thông (website) của Công ty và hệ thống của UBCKNN/SGDCK
2.4.4	Trường hợp lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, phiếu lấy ý kiến, dự thảo NQ ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết phải được công bố	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	CBTT lên các phương tiện truyền thông của Công ty và hệ thống của UBCKNN/SGDCK đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông.

Điều 9. Công bố thông tin bất thường

1. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau, Công ty phải thực hiện công bố thông tin bất thường và nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

- a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.
- b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.
- c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải cổ đông lớn.
- d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.
- e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức cổ tức, thời gian trả cổ tức, quyết định tách, gộp cổ phiếu.
- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp). giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.
- i) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng.

- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
- k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn **15%** tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính Hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính Hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.
- m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.
- n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.
- o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.
- p) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.
- q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.
- r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở GDCK nước ngoài.
- s) Thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu. Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để tham dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp thực hiện quyền khác của cổ đông hiện hữu, thông tin công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
- t) Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố thì Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 của Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính .
- u) Sau khi thay đổi kỳ kế toán (nếu có) thì Công ty phải công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.
- v) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ
- w) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất

được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ).

x) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn)

Điều 10. Công bố thông tin theo yêu cầu

Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, Sở GDCK nơi Công ty niêm yết đăng ký giao dịch khi xảy ra sự kiện sau, Công ty phải thực hiện Công bố thông tin.

STT	Nội dung công bố thông tin	Ghi chú
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	

Điều 11. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này.
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả	Thực hiện theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

		các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày , kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	
--	--	--	--

Điều 12. Công bố thông tin của các đối tượng khác

STT	Nội dung công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.		
1.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Công ty phải công bố thông tin trên website chính thức của Công ty theo mẫu tại phụ lục VII thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
1.2	Cổ đông lớn khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	Công ty phải công bố thông tin trên website chính thức của Công ty theo mẫu tại phụ lục VIII thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020
2	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ		
2.1	Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), công ty đại chúng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối	a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc. b) Thời hạn thực hiện giao dịch không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên	

	với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK.	
2.2	Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn giao dịch dự kiến	

Điều 13. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật hiện hành về chào mua công khai.

Điều 14. Công bố thông tin theo nhu cầu của Công ty

- Công ty thực hiện việc công bố các thông tin khác liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các phương tiện truyền thông điện tử Website nội bộ theo định kỳ hoặc bất thường tùy thuộc vào sự phát sinh các sự kiện như: Chiến lược phát triển công ty trong dài hạn, các mục tiêu kế hoạch trong ngắn hạn; các chủ trương, chính sách, các giải pháp triển khai thực hiện, tình hình thực hiện các dự án đầu tư, các Hợp đồng kinh tế lớn; các đối tác chiến lược... mà có ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan.
- Việc thực hiện công bố thông tin vẫn phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III.

QUY TRÌNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 15. Quy trình công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền

1. Hình thức thực hiện

Công ty có thể thực hiện tiếp nhận thông tin để công bố thông tin qua các hình thức sau:

- a. Trao đổi qua thư điện tử email do Công ty cung cấp;
- b. Trao đổi trực tiếp thông qua các buổi họp, gặp mặt;
- c. Qua điện thoại;
- d. Bằng văn bản

2. Phương thức thực hiện

Khi cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền cần thông tin thì người thực hiện công bố thông tin cung cấp thông tin thuộc danh mục thông tin phải công bố. Trong trường hợp hợp thắc mắc theo yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền không thuộc danh mục thông tin phải công bố thì người thực hiện công bố thông tin phải báo cáo xin ý kiến của cấp lãnh đạo có thẩm quyền quyết định, sau khi tham khảo ý kiến của đơn vị tư vấn, cơ quan chức năng và các bộ phận chuyên môn có liên quan khác (nếu có) khi cần thiết để phản hồi kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư và cơ quan có thẩm quyền.

3. Mô tả chi tiết các quy trình

- a. Quy trình công bố thông tin định kỳ/thông tin bất thường và nhiệm vụ của các bên liên quan

Quy trình	Bộ phận chịu trách nhiệm
Bước 1: Thông báo thông tin công bố định kỳ/thông tin bất thường	<ol style="list-style-type: none">a. Thông tin định kỳ:<ul style="list-style-type: none">- Người thực hiện CBTT:<ul style="list-style-type: none">• Thông báo thông tin phải công bố tới đơn vị/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có) về nội dung và thời hạn thông tin cần thông báo;• Hiểu rõ các quy định về công bố.b. Thông tin bất thường:<ul style="list-style-type: none">- Đơn vị/ban/cá nhân, tổ chức có liên quan:<ul style="list-style-type: none">• Liên hệ, trao đổi, thông báo với người thực hiện CBTT để biết thông tin phát sinh có thuộc nội dung thông tin cần công bố tại chương II của Quy chế;

	<ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo thông báo đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin phát sinh để người thực hiện công bố thông tin thực hiện việc công bố kịp thời theo quy định.
Bước 2: Cung cấp thông tin	<p>Đơn vị/ban phụ trách trực tiếp và các bên liên quan (nếu có):</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lập và đảm bảo tính đầy đủ, minh bạch, chính xác, kịp thời các tài liệu, báo cáo cần công bố thông tin; • Trình Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc Người phụ trách phê duyệt trước khi chuyển cho Người thực hiện công bố thông tin; • Gửi đầy đủ tài liệu, báo cáo cần công bố cho Bộ phận CBTT theo đúng thời hạn quy định.
Bước 3: Xem xét nội dung	<p>Người thực hiện công bố thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo định kỳ/ bất thường trước khi tiến hành công bố thông tin; • Đảm bảo nội dung các tài liệu, báo cáo đầy đủ và kịp thời.
Bước 4: Công bố thông tin	<p>Người thực hiện công bố thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện công bố thông tin trên các kênh theo quy định của Quy chế này; • Công bố thông tin đúng thời hạn đến các kênh theo quy định của Quy chế này; • Đảm bảo các thông tin công bố được gửi đến hoặc đăng tải trên các kênh công bố thông tin theo quy định của Quy chế này
Bước 5: Lưu trữ	<p>Người thực hiện công bố thông tin. Bộ phận Văn thư và các bộ phận liên quan khác lưu trữ các thông tin công bố đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định</p>

CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Người thực hiện công bố thông tin

1. Giám sát việc thực hiện đúng quy chế công bố thông tin được quy định tại quy chế này.

2. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp với nội dung thông tin cần công bố, đối chiếu với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định hiện hành.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại quy chế này và pháp luật.
4. Thực hiện các công việc khác có liên quan được giao.

Điều 17. Trách nhiệm các đơn vị/ban/cá nhân liên quan

1. Đảm bảo tuân thủ và thực hiện đúng Quy chế công bố thông tin
2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu của Người công bố thông tin
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của thông tin cung cấp cho Người công bố thông tin.

Điều 18. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung tại Quy chế này và quy định pháp luật về công bố thông tin gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó sẽ được áp dụng thực hiện phù hợp theo quy định hiện hành.

Điều 20. Hiệu lực

Quy chế này bao gồm IV (bốn) chương và 20(hai mươi) điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký quyết định ban hành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Tuyên